

Đều trú tại: Thôn Q, xã Th, Huyện B, Thanh Hóa.

5. Chị Hà ThịTh2, sinh năm: 1992 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn L, xã Th, Huyện B, Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong khoảng từ đầu năm 2020 đến tháng 7/2023, Phạm Thị Ng ở thôn Q, xã Th, Huyện B, tỉnh Thanh Hóa đã dùng tiền của cá nhân cho cho chị Phạm Thị D sinh năm 1992, chị Đinh Thị K sinh năm 1983 và chị Hà Thị T sinh năm 1987 đều ở Thôn Q, xã Th, Huyện B vay tiền với lãi suất 5%/ ngày/ 01 triệu, tương ứng 182,5%/ năm cao hơn 9,13 và lãi xuất 240%/1 năm, cao gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lời bất chính 393.495.965đ Cụ thể như sau:

1. Đầu năm 2020, Ng cho Phạm Thị D sinh 1992 ở Thôn Q, xã Th, Huyện B, tỉnh Thanh Hóa vay nhiều lần tiền với lãi suất 2.000đ/1 triệu/1 ngày, hai bên đã thanh toán. Đến ngày 29/07/2021, Ng cho D vay 28.280.000đ (hai mươi tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) tính lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1ngày, tương ứng 182,5%/năm, cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015. Hàng tháng D không trả được tiền lãi thì Ng cộng số tiền lãi vào tiền gốc để tiếp tục tính lãi cho tháng tiếp theo, khi cộng lãi vào gốc Ng thường làm tròn tiền nên đến ngày 29/9/2022,Ng chốt lại số tiền lãi D phải trả là 143.340.000đ (một trăm bốn mươi ba triệu bốn mươi nghìn đồng), trong đó, số tiền lãi đượcTh2 theo quy định là 15.779.014đ (mười lăm triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn không trăm mười bốn đồng), số tiền thu vượt quá thu lời bất chính là 127.560.986đ D chưa trả được, tiền gốc và lãi. Khoản vay này sau khi chốt nợ Ng không tính lãi nữa.

Ngày 21/10/2021, Ng tiếp tục cho D vay 80.000.000đ với lãi suất 240%/1 năm, cao gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng D không trả được tiền lãi nên Ng cộng số tiền lãi vào tiền gốc để tiếp tục tính lãi cho tháng tiếp theo. Đến ngày 24/12/2021 Ng chốt lại số tiền lãi D phải trả là 37.480.000đ. Cùng ngày D trả choNg 60.000.000đ, trong đó 22.520.000đ tiền gốc và 37.480.000đ tiền lãi (trong đó số tiền lãi được thu theo quy định là 3.082.521đ, số tiền thu lời bất chính là 34.397.479đ. Số tiền gốc D còn nợ lại là 57.480.000đ (năm mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) Ng tiếp tục tính lãi xuất 20%/1 tháng. Hàng tháng D không trả được tiền lãi nên Ng cộng số tiền lãi vào tiền gốc và tính lãi cho tháng tiếp theo, khi cộng lãi vào gốc Ng thường làm tròn tiền. Đến tháng 9/2022, Ng chốt lại số tiền lãi D phải trả là 189.360.000đ (một trăm tám mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng), (trong đó số tiền lãi được thu theo quy định là 15.553.973đ, số tiền lãi thu lời bất chính là 173.806.027đ. Tuy nhiên đến nay D chưa trả số tiền lãi và số tiền gốc khoản vay này và từ đó Ng cũng không tính lãi nữa.

Như vậy, trong thời gian từ 29/7/2021 đến tháng 9/2022 Phạm Thị Ng cho Phạm Thị D vay tổng số tiền là 108.280.000đ với lãi suất 5000đ/1triệu/ngày tương ứng mức lãi xuất 182,5%/năm cao gấp 9,13, số tiền 80.000.000đ tiền mặt Ng tính lãi 21%/tháng tương ứng 240%/1 năm, cao gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất được quy

định trong Bộ luật dân sự với lãi suất từ 182,5%/năm đến 240%/1 năm, cao gấp 9,13 đến 12 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự, số tiền lãi thu được là 370.180.000đ (trong đó số tiền lãi được thu theo quy định là 34.415.508đ, số tiền thu lợi bất chính là 335.764.672đ). D đã trả thực tế cho Ng được 22.520.000đ tiền gốc và 37.480.000đ tiền lãi (gồm 34.397.479đ tiền lãi thu lợi bất chính và 3.082.521đ tiền lãi được phép thu). Hiện D còn nợ Ng 85.760.000đ tiền gốc và 332.700.000đ tiền lãi.

2. Vào tháng 4/2020, Ng cho Đinh Thị K sinh 1983 ở thôn Q, xã Th, Huyện B vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) với lãi suất 5.000đ/01 triệu đồng/01 ngày, tương ứng 182,5%/1 năm, cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Đến tháng 9/2020, K trả cho Ng 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền lãi của 120 ngày, còn 40 ngày tiền lãi K chưa trả là 2.000.000đ (hai triệu đồng) nên Ng cộng số tiền lãi còn thiếu vào số tiền gốc D vay ban đầu và chốt lại số tiền vay là 12.000.000 (mười hai triệu đồng) và vẫn tiếp tục tính lãi suất 5.000đ/01 triệu đồng/01 ngày. Số tiền lãi được thu theo quy định là 888.889đ, số tiền thu lợi bất chính là 7.111.111đ.

Đến tháng 6/2021, K trả cho Ng 12.600.000 là tiền lãi của 210 ngày, còn 34 ngày tiền lãi K chưa trả là 2.040.000đ Ng chỉ tính 2.000.000đ (hai triệu đồng) nên Ng cộng số tiền lãi còn thiếu vào số tiền Ng đã chốt trước đó và chốt lại số tiền vay là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) và tiếp tục tính lãi suất 5.000đ/01 triệu đồng/01 ngày. Số tiền lãi được thu theo quy định là 1.626.667đ (một triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 13.013.333.

Đến tháng 12/2022, K trả cho Ng 37.800.000đ (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi của 540 ngày. Số tiền lãi được thu theo quy định là 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 33.600.000 (ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) đến nay K vẫn nợ số tiền vay gốc và chưa chốt nợ.

Như vậy, từ tháng 4/2020 đến tháng 12/2022 Ng cho Đinh Thị K vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1ngày tương ứng 182,5%/năm, cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự và thu được tổng tiền lãi là 60.440.000đ trong đó số tiền lãi được phép thu là 6.715.556đ, số tiềnTh2 lợi bất chính là 53.724.444đ (bốn mươi bảy triệu không trăm linh tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng). Tuy nhiên, K mới trả thực tế cho Ng được 56.400.000đ (năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi (gồm 49.776.438đ tiền lãi thu lợi bất chính và 6.623.562đ tiền lãi được phép thu. Hiện K đang còn lại 10.000.000đ tiền gốc và 4.040.000đ tiền lãi.

3. Vào tháng 9 năm 2022, Phạm Thị Ng cho Hà Thị T sinh năm 1987 ở Thôn Q, xã Th, Huyện B vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1ngày, tương ứng 182,5%/1 năm, cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Đến tháng 12 năm 2022, T trả cho Ng 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền lãi của 90 ngày. Đến nay T vẫn đang nợ số tiền vay gốc và chưa chốt nợ. Số tiền lãi được thu theo quy định là

493.151đ, số tiền thu lời bất chính là 4.006.849đ (bốn triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

Ngoài ra, Phạm Thị Ng còn cho một số người vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 22/11/2022 Phạm Thị Ng cho Phạm Thị Th sinh năm 1991 ở cùng thôn vay 98.000.000đ (chín mươi tám triệu đồng). Ngày 01/12/2022 cho Th vay 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng). Ngày 02/12/2022 cho Th vay 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Ngày 24/03/2023 cho Th vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) và ngày 17/05/2023 Ng tiếp tục cho Th vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Tất cả những lần Ng cho Th vay tiền đều không tính lãi suất.

Ngày 03/02/2023 Phạm Thị Ng cho Trương Diệu Th2 sinh năm 1987 ở cùng thôn vay 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) và ngày 17/5/2023 Ng tiếp tục cho Th 2 vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Tất cả những lần Ng cho Th2 vay tiền đều không tính lãi suất.

Ngày 21/7/2022 Phạm Thị Ng cho Phạm Thị H sinh năm 1990 ở cùng thôn vay số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) nhưng không tính lãi suất.

Ngày 12/8/2022 Phạm Thị Ng cho Phạm Văn Ch sinh năm 2000 ở cùng thôn vay số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Ngày 01/9/2022 Ng cho Chinh vay số tiền 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) và ngày 10/11/2023 Ng tiếp tục cho Chinh vay số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng). Tất cả những lần Ng cho Ch vay tiền đều không tính lãi suất.

Ngày 17/8/2022 Phạm Thị Ng cho Hà Thị Th2 sinh năm 1992 ở thôn L, xã Th, Huyện B vay số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) và ngày 27/10/2022 Ng tiếp tục cho Th2 vay số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng). Tất cả những lần Ng cho Th2 vay tiền đều không tính lãi suất.

Căn cứ công văn số 892/THH-TTGSNN ngày 10/7/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Thanh Hoá, Cơ quan CSĐT Công an Huyện B xác định được với lãi suất 3.000đ/1triệu đồng/1ngày thì sẽ tương đương với lãi suất là $3.000đ \times 365 / 1.000.000đ = 1,095 \times 100\% = 109,5\% / 1 \text{ năm}$ gấp 5,48 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/1năm. Tương tự lãi suất 4.000đ/1triệu đồng/1ngày tương đương lãi suất 146%/1năm (gấp 7,3 lần).

Như vậy, trong thời gian từ tháng 04/2020 đến tháng 12/2022, Phạm Thị Ng có hành vi cho 03 (ba) người trên địa bàn xã Thiết Ông, Huyện B gồm vay tổng số tiền 128.280.000đ (trong đó có 28.280.000đ tiền nợ lãi chuyển sang tiền gốc) với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1ngày tương ứng 182,5%/1năm đến 240%/1 năm cao gấp 9,13 lần đến 12 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự và thu được tổng tiền lãi là 435.120.000đ. Trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/1năm) được phép thu là 41.624.215đ, số tiền thu lợi bất chính là 393.495.965đ. Tuy nhiên, thực tế Ng mới chỉ thu được 98.380.000đ tiền lãi (gồm số tiền được phép thu là 10.199.234đ, số tiền thu lời bất chính là 88.180.766đ) và 22.520.000đ tiền gốc, người vay đang còn nợ 105.760.000đ tiền gốc và 336.740.000đ tiền lãi.

Tại kết luận giám định số: 3523/KL-KTHS ngày 03/10/2023 của Phòng kỹTh2ật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: tìm thấy 06 tin nhắn Zalo đã xoá trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2020 đến ngày 05/7/2023 của 01 (một)

điện thoại gửi giám định. Tuy nhiên những tin nhắn bị xoá không liên quan đến việc cho vay tiền của Phạm Thị Ng.

Về vật chứng vụ án:

01(một) phong bì niêm phong màu trắng, mặt trước có ghi: KLGD số 3523/KL- KTHS ngày 03/10/2023, mặt sau có các hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: Phòng kỹTh2ật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa”, phong bì được dán kín và niêm phong bởi: Chữ ký đứng tên Nguyễn Đăng Đạt, Phạm Văn Thành. Bên trong chứa: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO MAX, màu Đen - Xám, IMEI: 353902104469416; số IMEL 2: 353902104266077; số máy: A2161, gắn thẻ sim số 0985678602. Hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an Huyện B theo Lệnh nhập kho vật chứng số 36/LNK-CSĐT ngày 27/10/2023 của Cơ quan CSĐT Công an Huyện B.

01 giấy vay tiền giữa Phạm Thị Ng và Phạm Thị Th ngày 17/5/2023 và 02 tờ giấy A4 có nội dungNg thống kê số tiền lãi hàng tháng mà D phải trả được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Chị Hà Thị T đã nhận lại từ Phạm Thị Ng số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và có đơn đề nghị không yêu cầu Phạm Thị Ng phải trả bất kỳ khoản tiền nào nữa nên miễn xét.

Chị Phạm Thị D và Đinh Thị K có đơn đề nghị yêu cầu Phạm Thị Ng trả lại số tiền đãTh2 lời bất chính. Ngày 30/11/2023 chị Đinh Thị K đã nhận lại từ bị cáo Phạm Thị Ng số tiền 49.776.438 (Bốn mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị D chưa nhận tiền.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSBT-TA ngày 06/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện B đã truy tố bị cáo Phạm Thị Ng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo bản cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội theo quy định của pháp luật. Bị cáo thừa nhận từ tháng 04/2020 đến tháng 12/2022, bị cáo có hành vi dùng số tiền của bị cáo cho các cá nhân vay quay vòng đối với 03 người trên địa bàn gồm: Năm 2020 bị cáo cho Đinh Thị K vay 10.000.000đ, chị K chưa trả được được tiền gốc, năm 2021 bị cáo cho chịPhạm Thị D vay hai lần với tổng số tiền là 108.280.000đ, D đã trả cho bị cáo 22.520.000đ tiền gốc, tháng 9/2022 bị cáo dùng số tiền gốcTh2 về từ chị D cho chị Hà Thị T vay 10.000.000đ, chị T chưa trả được tiền gốc, đối với chị K, chị D, chị T bị cáo lấy mức lãi xuất từ 2.000đ/1.000.000đ/1 ngày đến 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày cao gấp 9,13 lần so mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 2015. Ngoài ra bị cáo còn cho chị Phạm Thị Th vay 5 lần với tổng số tiền là 230.100.000đ, chị Trương Diệu Th2 vay 02 lần với tổng số tiền là 117.000.000đ, chịPhạm Thị H vay 5.000.000đ, anh Phạm Văn Chinh vay 3 lần với tổng số tiền là 14.500.000đ và cho chị Hà ThịTh2 vay 02 lần với tổng số tiền 7.000.000đ. Tất cả những người vay này bị cáo không lấy lãi do có quan hệ họ hàng. Ngày 30/11/2023 bị cáo đã trả cho chị Đinh Thị K số tiền 49.776.438) và chị K không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, bị cáo cũng đã trả cho chị T số tiền

4.500.000đ và chị T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Đối với chị D bị cáo đã nhiều lần đề nghị khắc phục hậu quả về số tiền Th2 lời bất chính về phần lãi vượt quá theo quy định nhưng chị D không nhận, nên chưa trả lại số tiền Th2 lời bất chính cho chị D, tại phiên tòa bị cáo có nguyện vọng trả một nửa số tiền trên cho chị D.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị D thừa nhận toàn bộ hành vi bị cáo Ng cho chị vay tiền lấy lãi nặng. Đầu năm 2020 chị cũng vay của bị cáo nhưng chỉ lấy 2000đ/1 triệu/ ngày, nhưng đến tháng 7/2021 chị vay 28.280.000đ bị cáo lấy 5000đ/1 triệu/ ngày, sau đó chị vay tiếp của Ng 80.000.000đ với lãi xuất 20%/tháng, chị đã trả cho Ng 60.000.000đ tiền gốc và lãi hiện nay chị còn nợ tiền gốc của Ng là 85.760.000.000đ của hai lần vay, nợ lãi 332.600.000đ của hai khoản vay. Phần thu lời bất chính về khoản tiền lãi vượt quá bị cáo thu của chị, bị cáo cũng có thiện trí trả và tại phiên tòa đề nghị trả cho chị một nửa số tiền trên nhưng chị không nhận, sau khi án có hiệu lực pháp luật chỉ sẽ nhận toàn bộ. Vì vậy, chị đề nghị bị cáo trả lại khoản tiền thu lời bất chính về khoản lãi vượt quá quy định.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, lời khai tại Cơ quan Điều tra phù hợp với các tình tiết nêu trong bản cáo trạng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Thị Ng phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự và đề nghị HĐXX:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 BLTTHS. Xử phạt bị cáo từ 10 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 20 đến 30 tháng. Phạt tiền bổ sung 40 triệu đến 45 triệu để nộp ngân sách nhà nước và đề nghị các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng như sau:

Về các biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Ng phải nộp lại số tiền gốc 12.520.000đ (Mười hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) là phương tiện dùng vào việc phạm tội và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà Ng đã Th2 của người vay tổng số tiền là 9.706.074đ. Tổng cộng 22.226.074đ (Hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng), làm tròn 22.226.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Buộc chị Phạm Thị D nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo Ng chưa trả là 85.760.000đ vào ngân sách nhà nước. Vì số tiền này là phương tiện bị cáo Ng dùng vào việc phạm tội và chị D chưa trả cho bị cáo.

Buộc chị Đinh Thị K nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc gốc đã vay của bị cáo Ng chưa trả là 10.000.000đ sung vào ngân sách nhà nước. Vì số tiền này là phương tiện bị cáo Ng dùng vào việc phạm tội và chị K chưa trả cho bị cáo.

Buộc chị Hà Thị T nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo Ng chưa trả là 10.000.000đ Vì số tiền này là phương tiện bị cáo Ng dùng vào việc phạm tội và chị T chưa trả cho bị cáo.

Đối với số tiền Th2 lời bất chính, phần lãi thu vượt quá quy định bị cáo Th2 của người vay: Chị Hà Thị T đã nhận lại từ Phạm Thị Ng số tiền 4.500.000đ và có đơn đề nghị không yêu cầu Phạm Thị Ng phải trả bất kỳ khoản tiền nào nữa vì vậy đề nghị HĐXX miễn xét. Chị Đinh Thị K đã nhận lại từ bị cáo Phạm Thị Ng số tiền 49.776.438 (Bốn mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) và không yêu cầu bồi thường gì thêm vì vậy đề nghị HĐXX miễn xét. Chị Phạm Thị D có đơn đề nghị yêu cầu bị cáo Ng trả lại số tiền đã Th2 lời bất chính. Vì vậy bị cáo Ng phải trả cho chị D số tiền 34.397.479đ (Ba mươi bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng) là tiền lãi Th2 lời bất chính mà bị cáo đã Th2 của chị D.

Về vật chứng trong vụ án: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch Thu sung công của bị cáo Phạm Thị Ng 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO MAX, màu Đen - Xám, IMEI: 353902104469416; số IMEL 2: 353902104266077; số máy: A2161, gắn thẻ sim số 0985678602.

Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 giấy vay tiền giữa Phạm Thị Ng và Phạm Thị Th ngày 17/5/2023 và 02 tờ giấy A4 có nội dung Ng thống kê số tiền lãi hàng tháng mà D phải trả.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện B; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Vì vậy, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt: Xét thấy trong quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc xét xử vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292. 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

[2] Về Hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp

lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận như sau:

Từ đầu năm 2020 đến tháng 7/2023, bị cáo Phạm Thị Ng đã dùng số tiền 118.280.000đ của mình cho các cá nhân **vay quay vòng đối với 03 người trên địa bàn gồm: Tháng 4/2020 bị cáo cho chị Đinh Thị K vay 10.000.000đ, chị K chưa trả được tiền gốc, năm 2021 bị cáo cho chị Phạm Thị D vay hai lần với tổng số tiền là 108.280.000đ, chị D đã trả cho bị cáo 22.520.000đ tiền gốc, tháng 9/2022 bị cáo dùng số tiền gốc Th2 về từ chị D cho chị Hà Thị T vay 10.000.000đ, chị T chưa trả được tiền gốc. Bị cáo cho Phạm Thị D, Đinh Thị K, Hà Thị T vay tiền với lãi suất từ 182,5% đến 240%/năm cao hơn 9,13 lần đến 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và Thu lời bất chính 393.495.965đ nhằm mục đích vụ lợi cá nhân. Vì vậy VKSND Huyện B truy tố bị cáo Phạm Thị Ng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.**

[3] Tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng lao động mà không chịu khó kiếm tiền chân chính mà lợi dụng hoàn cảnh khó khăn về tài chính của người khác để Thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự về hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, ảnh hưởng trật tự, trị an của xã hội mà còn xâm hại đến quyền lợi của công dân được nhà nước bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng sâu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Có 02 tình tiết giảm nhẹ gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện khắc phục hậu quả cho chị T và chị K số tiền Th2 lời bất chính được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo ra đầu thú, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại điều 65 BLHS và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt tiền bổ sung: Xử phạt bị cáo từ 40.000.000đồng

[6] Về biện pháp tư pháp: Truy Thu của bị cáo Ng sung quỹ nộp ngân sách nhà nước số tiền gốc 12.520.000đ là phương tiện dùng vào việc phạm tội và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) mà Ng đã Thu của người vay tổng số tiền là 9.706.074đ (Chín triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng). **Tổng cộng 22.226.074đ (Hai mươi hai triệu hai**

trăm hai mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng), làm tròn 22.226.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Số tiền nợ lãi 332.600.000đ của D và số tiền nợ lãi 4.040.000đ của K chưa thanh T cho bị cáo nên không truy Th2.

Truy thu của chị Phạm Thị D sung quỹ vào ngân sách nhà nước số tiền gốc vay của bị cáo Ng chưa trả là 85.760.000đ. Vì số tiền này là phương tiện bị cáo Ng dùng vào việc phạm tội chị D chưa trả cho bị cáo.

Truy thu của chị Đinh Thị K sung quỹ nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo Ng chưa trả là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) Vì số tiền này là phương tiện bị cáo Ng dùng vào việc phạm tội và chị K chưa trả cho bị cáo

Truy thu của chị Hà Thị T sung quỹ nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo Ng chưa trả là 10.000.000đ Vì số tiền này là phương tiện bị cáo Ng dùng vào việc phạm tội và chị T chưa trả cho bị cáo

Đối với số tiền thu lời bất chính, phần lãi thu vượt quá quy định bị cáo Ng thu của người vay: Chị Hà Thị T đã nhận lại từ Phạm Thị Ng số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và có đơn đề nghị không yêu cầu Phạm Thị Ng phải trả bất kỳ khoản tiền nào nữa vì vậy HĐXX miễn xét.

Chị Đinh Thị K đã nhận lại từ bị cáo Phạm Thị Ng số tiền 49.776.438 (Bốn mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) và không yêu cầu bồi thường gì thêm vì vậy HĐXX miễn xét.

Chị Phạm Thị D có đơn đề nghị yêu cầu bị cáo Ng trả lại số tiền đã thu lời bất chính. Vì vậy bị cáo Ng phải trả cho chị D số tiền 34.397.479đ là tiền lãi thu lời bất chính mà bị cáo đã thu của chị D.

[7] Về vật chứng: Tịch thu sung công của bị cáo Phạm Thị Ng 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO MAX, màu Đen - Xám, IMEI: 353902104469416; số IMEL 2: 353902104266077; số máy: A2161, gắn thẻ sim số 0985678602 do bị cáo dùng điện thoại nhắn tin để cho vay và Th2 tiền lãi là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch Th2 bán xung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 giấy vay tiền giữa Phạm Thị Ng và Phạm Thị Th ngày 17/5/2023 và 02 tờ giấy A4 có nội dung Ng thống kê số tiền lãi hàng tháng mà D phải trả cho Ng là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội nên sẽ được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[8] Đối với hành vi của bị cáo Phạm Thị Ng cho chị Phạm Thị Th, chị Trương Diệu Th2, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn Chinh, chị Hà Thị Th2 vay tiền nhưng không tình lãi do vậy không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về hành vi trên. Đối với số tiền lãi của chị D còn nợ chưa trả cho bị cáo là 332.600.000đ và chị K nợ lãi của bị cáo 4.040.000đ không truy Th2.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Ng phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Ng 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/12/2023.

Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo 40.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Phạm Thị Ng cho UBND xã Thiết Ống, Huyện B, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự

- Về biện pháp tư pháp: Truy thu để nộp ngân sách nhà nước của bị cáo Phạm Thị Ng số tiền 22.226.000đ (Hai hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Truy thu nộp vào Ngân sách nhà nước của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Chị Phạm Thị D 85.760.000đ (Tám mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), chị Đinh Thị K 10.000.000đ (Mười triệu đồng), chị Hà Thị T 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Bị cáo Phạm Thị Ng phải trả cho chị Phạm Thị D số tiền 34.397.479đ (Ba mươi bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng).

Kể từ khi chị Phạm Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Ng chưa thi hành án khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng bị cáo Ng phải chịu thêm khoản tiền lãi quy định tại điều 357 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoãn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu phát mãi sung công quỹ của bị cáo Phạm Thị Ng 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO MAX, số máy: A2161, màu đen-xám, IMEI: 353902104469416, IMEI 2: 353902104266077; kèm theo 01 (Một) sim có ghi số 8984048000034256602 bị cáo dùng để liên lạc trong việc cho vay lãi nặng được đựng trong 01 (một) phong bì màu trắng, mặt trước có ghi: KLGD số 3523/KL-KTHS ngày 03/10/2023, mặt sau có các hình dấu tròn màu đỏ có nội

dung: Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa, phong bì được dán kín và niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Đăng Đạt, Phạm Văn Thành. (Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 07 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự Huyện B ngày 07/11/2023).

Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 giấy vay tiền giữa Phạm Thị Ng và Phạm Thị Th ngày 17/5/2023 và 02 tờ giấy A4 có nội dung Ng thống kê số tiền lãi hàng tháng mà D phải trả.

-Về án phí: Bị cáo Phạm Thị Ng phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Huyện B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an Huyện B;
- Chi cục THADS Huyện B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Vũ Văn Nga

